

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022-2023)
LỚP K16A-D2B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số Đvht :							ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
					2	3	2	3	4	3	2				
					(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)				
					GĐTC	TV	XSTK	HHC	HPT	TACS 2	VS - KST				
1	16011038	Chu Văn	Nghĩa	28/09/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.8	0.0	0.5	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
2	16011031	Bùi Hồng	Ngọc	29/08/2004	0.0	3.7	2.8	3.2	0.0	2.7	0.0	2.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
3	16011028	Nguyễn Thị	Nguyệt	10/10/2003	0.0	7.2	9.0	8.5	8.0	6.4	7.5	7.7	Khá		(1:0)
4	16011010	Tĩnh Kim	Oanh	31/01/2004	8.3	7.4	8.9	7.4	7.6	7.9	7.3	7.7	Khá		
5	16011026	Vàng Thị	Pàng	21/03/2004	0.0	4.6	3.7	5.7	0.0	2.7	0.0	2.7	Yếu		5=83.3%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
6	16011025	Nguyễn Thị Như	Phượng	01/12/2004	10.0	6.7	8.7	7.3	7.6	7.0	6.5	7.3	Khá		
7	16011026	Lường Thị	Phượng	13/07/2003	0.0	6.3	8.0	7.8	6.9	7.0	2.9	6.6	T.bình khá		1=16.7%(1:0)(7:0)
8	16011030	Phạm Hồng	Quân	25/08/2004	8.8	3.8	6.7	7.3	8.1	6.1	7.3	6.6	T.bình khá		1=16.7%
9	16011030	Tạ Thị Thu	Quỳnh	08/07/2002	0.0	4.2	9.4	6.3	6.4	7.1	3.3	6.1	T.bình khá		2=33.3%(1:0)(7:0)
10	16011029	Trần Thị Như	Quỳnh	05/12/2003	8.8	6.2	9.6	8.3	8.1	7.0	6.8	7.6	Khá		
11	16011027	Nguyễn Minh	Tâm	12/06/2004	8.3	6.2	6.5	6.9	7.6	6.3	6.3	6.7	T.bình khá		
12	16011029	Đàm Thị	Thanh	21/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.7	0.0	0.5	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
13	16011028	Nguyễn Đức	Thành	26/08/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
14	16011012	Giàng A	Thành	27/09/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.5	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
15	16011031	Vũ Thị	Thảo	08/06/2003	9.9	6.1	3.9	7.0	7.0	6.7	7.0	6.4	T.bình khá		1=16.7%(3:0)
16	16011022	Nguyễn Thị	Thảo	09/07/2004	8.9	6.9	8.1	7.4	7.9	6.5	6.1	7.2	Khá		
17	16011027	Quảng Thị	Thắm	17/09/2004	9.0	6.2	7.9	7.9	7.2	7.2	6.5	7.1	Khá		
18	16011030	Nguyễn Đức	Tiếp	12/04/2002	0.9	5.5	0.0	3.7	7.0	0.0	0.0	3.3	Yếu		4=66.7%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
19	16011021	Nguyễn Thị Phương	Trang	23/09/2003	0.0	5.4	8.8	5.4	6.3	2.9	2.8	5.3	Trung bình		2=33.3%(1:0)(6:0)(7:0)

				Số Đvht :	2	3	2	3	4	3	2				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)				
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	GDTC	TV	XSTK	HHC	HPT	TACS 2	VS - KST	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
20	16011022	Lê Quỳnh Trang	19/12/2003	<u>0.0</u>	<u>1.3</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>3.2</u>	<u>0.0</u>	0.8	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)	
21	16011023	Triệu Thu Trang	08/10/2004	8.3	7.6	9.9	7.8	8.5	7.7	7.7	8.1	Giỏi			
22	16011023	Trần Thị Thu Trang	20/11/2004	8.0	6.9	8.2	<u>3.7</u>	5.0	7.6	7.0	6.2	T.bình khá		1=16.7%	
23	16011030	Vũ Thị Thùy Trang	10/04/2004	9.6	5.1	8.8	7.6	8.0	7.0	6.7	7.2	Khá			
24	16011031	Nguyễn Thùy Trang	25/09/2004	9.6	<u>4.9</u>	7.4	7.1	7.9	6.7	7.7	6.9	T.bình khá		1=16.7%	
25	16011019	Đỗ Thu Trang	20/07/2001	9.0	7.6	9.4	<u>3.8</u>	7.8	7.3	7.1	7.1	Khá		1=16.7%	
26	16011030	Nguyễn Thị Thanh Trúc	25/10/2004	9.7	7.2	9.1	6.7	7.6	7.0	7.2	7.4	Khá			
27	16011030	Lê Anh Tuấn	19/08/2003	<u>1.1</u>	6.0	<u>0.0</u>	<u>3.7</u>	7.1	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	3.4	Yếu		4=66.7%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)	
28	16011022	Nguyễn Thị Tươi	06/10/2004	<u>0.0</u>	<u>3.8</u>	<u>2.9</u>	<u>1.8</u>	<u>0.0</u>	<u>3.1</u>	<u>0.0</u>	1.9	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)	
29	16011026	Tổng Thị Minh Xuân	21/02/2003	9.5	6.0	6.9	6.8	7.8	7.6	6.9	7.1	Khá			
30	16011030	Nguyễn Hải Yến	18/07/2022	8.0	<u>3.5</u>	8.9	6.6	7.0	6.3	6.8	6.4	T.bình khá		1=16.7%	
31	16011029	Viên Ngọc Yến	05/05/2003	<u>0.0</u>	<u>3.6</u>	7.1	5.5	5.7	<u>2.8</u>	<u>0.0</u>	4.3	Yếu		3=50.0%(1:0)(6:0)(7:0)	

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.2%), Khá: 10 (32.3%), T.bình khá: 8 (25.8%), Trung bình: 1 (3.2%), Yếu: 11 (35.5%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) GDTC: GIÁO DỤC THỂ CHẤT
(5) HPT: HÓA PHÂN TÍCH

(2) TV: THỰC VẬT
(6) TACS 2 : TIẾNG ANH CƠ SỞ 2

(3) XSTK: XÁC SUẤT THỐNG KÊ
(7) VS - KST: VI SINH KÝ SINH TRÙNG

(4) HHC: HÓA HỮU CƠ